

Bản án số: 136/2024/DSPT
Ngày: 19/11/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đại Long

Ông Lê Ngọc Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2024/TLPT-DS ngày 10/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 93/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Trịnh Ngọc T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

(Có mặt).

Người làm chứng:

1. Anh Trịnh Ngọc T, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Vinh Quang, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

2. Bà Lê Thị V, sinh năm 1970 (Có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2019 gia đình chị Vũ Thị H có mua vỗ trâu của anh để lót sàn nuôi gà. Đến ngày 15/01/2021 thì anh và chị H có chốt nợ với nhau, theo đó chị H xác nhận còn nợ anh số tiền là 26.000.000 đồng, chị H có ký xác nhận vào sổ ghi chép của anh. Chị H có hẹn 3 tháng sau sẽ trả hết nợ cho anh, nhưng không trả nợ, anh có nhiều lần gọi điện, qua nhà chị H đòi nợ, nhưng chị H cố ý né tránh, đến nay vẫn không trả nợ, nên anh khởi kiện yêu cầu chị H phải trả nợ cho anh số tiền 26.000.000 đồng, anh Đ không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ.

Bị đơn là chị Vũ Thị H trình bày:

Từ cuối năm 2019 gia đình chị H có mua trâu của anh Trịnh Văn Đ để chăn nuôi gà, trong quá trình mua bán nhiều lần đến thời điểm ngày 15/01/2021 chị H đã chốt sổ với anh Đ theo đó gia đình chị H còn nợ lại anh Đ là 26.000.000 đồng, chị H có ký xác nhận nợ với anh Đ. Sau ngày đó thì gia đình chị H đã chuyển khoản trả nợ cho anh Đ cụ thể như sau: Ngày 14/5/2021 chồng chị H (là anh Trịnh Ngọc T) chuyển khoản trả nợ 10.000.000 đồng vào tài khoản của bà Lê Thị V theo yêu cầu của anh Đ; Ngày 15/3/2022 anh T chuyển khoản trả nợ 2.700.000 đồng vào tài khoản của anh Đ; Ngày 24/3/2022 anh T chuyển khoản trả nợ 3.300.000 đồng vào tài khoản của anh Đ; Ngày 18/6/2022 chị H chuyển khoản trả 5.000.000 đồng vào tài khoản của anh Đ; Ngày 12/7/2022 anh T chuyển khoản trả 2.000.000 đồng vào tài khoản của anh Đ. Tổng số tiền đã trả là 23.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh T trình bày: Ngoài việc chuyển khoản trả nợ cho anh Đ, thì anh T có trả cho anh Đ 3.000.000 đồng tiền mặt. Như vậy, hiện tại chị H không còn nợ anh Đ số tiền nào.

Người làm chứng là anh Trịnh Ngọc T trình bày:

Anh T xác nhận việc gia đình anh có mua trâu của anh Đ từ cuối năm 2019. Đến đầu năm 2021 thì gia đình anh không mua trâu của anh Đ nữa. Theo yêu cầu của anh Đ, ngày 15/01/2021 chị Vũ Thị H (vợ anh T) có chốt sổ nợ với anh Đ, theo đó xác nhận còn nợ anh Đ tiền mua trâu 26.000.000 đồng. Sau đó, gia đình anh đã nhiều lần chuyển khoản trả nợ anh Đ, cụ thể: Ngày 14/5/2021 anh T chuyển khoản trả nợ 10.000.000 đồng vào tài khoản của bà Lê Thị V theo yêu cầu của anh Đ; Ngày 15/3/2022 anh T chuyển khoản trả nợ 2.700.000 đồng vào tài khoản của anh Đ; Ngày 24/3/2022 anh T chuyển khoản trả nợ 3.300.000 đồng vào tài khoản của anh Đ; Ngày 18/6/2022 chị H chuyển khoản trả 5.000.000 đồng vào tài khoản của anh Đ; Ngày 12/7/2022 anh T chuyển khoản trả 2.000.000 đồng vào tài khoản của anh Đ. Ngoài ra, anh T có trả cho anh Đ 3.000.000 đồng tiền mặt. Tổng số tiền đã trả là 26.000.000 đồng, như vậy hiện tại không còn nợ tiền anh Đ.

Người làm chứng là bà Lê Thị V trình bày:

Vào năm 2021 bà V có chở trâu đến bán cho gia đình chị Vũ Thị H chăn nuôi gà, theo sự giới thiệu của anh Trịnh Văn Đ (là con rể bà V), sau khi giao hàng xong thì anh T (là chồng chị H) có chuyển khoản trả tiền mua trâu cho bà V số tiền là

10.000.000 đồng, hai bên đã thanh toán xong với nhau. Bà V khẳng định việc mua bán trầu giữa bà V với vợ chồng chị H không liên quan đến anh Đ; Việc anh Đ mua bán trầu với gia đình chị Huyền thế N, bà V không biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Đ thừa nhận việc gia đình chị H có 04 lần chuyển khoản vào tài khoản của anh Đ, cụ thể: Ngày 15/3/2022 số tiền 2.700.000 đồng; Ngày 24/3/2022 số tiền 3.300.000 đồng; Ngày 18/6/2022 số tiền 5.000.000 đồng và ngày 12/7/2022 số tiền 2.000.000 đồng, nhưng anh Đ cho rằng đây là số tiền gia đình chị H chuyển khoản trả tiền các lần khác gia đình chị H mua trầu của anh Đ sau ngày chốt nợ, không liên quan đến khoản nợ 26.000.000 đồng. Đối với lần chuyển khoản ngày 14/5/2021 số tiền 10.000.000 đồng đến số tài khoản mang tên Lê Thị V, anh Đ không thừa nhận, anh Đ cho rằng: việc gia đình chị H chuyển khoản vào tài khoản của bà Lê Thị V là để trả nợ tiền gia đình chị H mua trầu của bà V; không hề liên quan gì đến việc trả nợ tiền mua trầu của anh Đ.

2. Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá đã Quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 430, 434, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Trịnh Văn Đ.

Buộc chị Vũ Thị H có trách nhiệm trả nợ tiền mua trầu cho anh Trịnh Văn Đ số tiền 13.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trịnh Văn Đ phải nộp 650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, Luật Thi hành án dân sự, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 04/9/2024, Tòa án sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo của chị Vũ Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm với các nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền 10.000.000đ mà chị đã trả nợ vào tài khoản của bà Lê Thị V.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị H;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Văn Đ. Buộc chị Vũ Thị H trả cho anh Trịnh Văn Đ số tiền 3.000.000 đ (Ba triệu đồng).

Chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Vũ Thị H nộp đơn kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét nội kháng cáo của chị Vũ Thị H:

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ và chị H đều xác nhận về việc hai bên có giao dịch mua bán trâu với nhau. Đến ngày 15/01/2021, chị H còn nợ anh Đ số tiền mua hàng là 26.000.000 đồng. Chị H đã viết và ký vào giấy xác nhận còn nợ anh Đ số tiền trên.

Chị H cho rằng sau khi chốt nợ số tiền 26.000.000 đồng, gia đình chị đã trả nợ được cho anh Đ số tiền 23.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 14/5/2021 anh Trịnh Ngọc T (là chồng chị H) chuyển khoản trả nợ 10.000.000 đồng vào tài khoản của bà Lê Thị V theo yêu cầu của anh Đ; Ngày 15/3/2022 anh T chuyển khoản trả nợ 2.700.000 đồng vào tài khoản của anh Đ; Ngày 24/3/2022 anh T chuyển khoản trả nợ 3.300.000 đồng vào tài khoản của anh Đ; Ngày 18/6/2022 chị H chuyển khoản trả 5.000.000 đồng vào tài khoản của anh Đ; Ngày 12/7/2022 anh T chuyển khoản trả 2.000.000 đồng vào tài khoản của anh Đ. Chị H xác định, hiện chỉ còn nợ anh Đ số tiền là 3.000.000 đồng. Anh T khai có trả nợ cho anh Đ 3.000.000 đồng bằng tiền mặt, nên anh T xác định gia đình anh không còn nợ tiền mua trâu của anh Đ.

Anh Đ không thừa nhận số tiền 10.000.000 đồng anh T chuyển đến số tài khoản mang tên Lê Thị V vào ngày 14/5/2021 là tiền trả nợ cho anh Đ. Anh Đ cho rằng việc gia đình chị H chuyển khoản vào tài khoản của bà Lê Thị V là để trả nợ tiền gia đình chị H mua trâu của bà V, không liên quan gì đến việc trả nợ tiền mua trâu của anh Đ.

Bà V xác nhận ngày 14/5/2021, anh T có chuyển khoản vào tài khoản của bà V số tiền 10.000.000 đồng, tuy nhiên bà V xác định, đây là khoản tiền anh T chuyển khoản trả nợ tiền mua trâu với bà V, không liên quan gì đến anh Đ; giữa bà V với anh Đ không làm ăn chung

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung:

“Ý kiến của tôi đã trình bày ở phiên tòa sơ thẩm, tôi không thay đổi gì và cam đoan là đúng sự thật”.

Nhận thấy: Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm, bà V khai: “Gia đình anh T có mua trâu của bà V khoảng 2-3 lần; Thời điểm tầm tháng 3, tháng 4 năm 2021; Bà V trực tiếp chở trâu lên nhà anh T 1 lần còn các lần khác không nhớ rõ. Khi mua bán hai bên không ghi chép sổ sách gì. Lúc giao trâu không giao trực tiếp cho ai cả mà chỉ thấy công nhân ra, bà V không để ý và cũng không gặp anh T. Việc giao dịch mua bán trâu với anh T là do con rể bà V là anh Đ giới thiệu. Sau khoảng 1-2 ngày thì anh T mới chuyển khoản cho bà V. Bà V đưa số tài khoản của bà cho anh Đ rồi anh Đ đưa cho anh T”.

Căn cứ vào lời khai của bà V, Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của bà V có nhiều mâu thuẫn, không đúng với thực tế của giao dịch mua bán hàng hóa. Các đương sự khai giá bán 01 bì trâu từ 7.000đ đến 10.000đ. Đối với số tiền 10.000.000đ thì bà V phải bán cho anh T tương đương 900 bì trâu nhưng khi bà V giao hàng không biết giao cho ai, không ghi chép sổ sách, không có người nhận hàng, không gặp và không trao đổi với người mua hàng. Bà V khai bán trâu tầm tháng 3-4 năm 2021, sau khoảng 1-2 ngày anh T mới chuyển khoản trả nợ nhưng số tiền 10.000.000 đồng, anh T chuyển khoản vào ngày 14/5/2021 là cách 01-2 tháng sau khi bà V bán hàng. Bà V không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ liên quan đến giao dịch mua bán hàng giữa bà với anh T. Bản thân anh T cũng không biết bà V là ai, chỉ gặp lần đầu tại phiên tòa sơ thẩm.

Anh Đ cũng thừa nhận chính anh là người đưa số tài khoản của bà V cho anh T để anh T chuyển khoản số tiền 10.000.000đ. Do đó, anh Đ phải chịu trách nhiệm đối với số tài khoản mà anh đã cung cấp cho anh T để chuyển tiền.

Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định số tiền 10.000.000 đồng anh T chuyển khoản vào tài khoản của bà V ngày 14/5/2021 là để trả cho khoản nợ mà chị H đã chót nợ với anh Đ vào ngày 15/01/2021. Do đó, chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị H.

Căn cứ vào các chứng từ giao dịch do ngân hàng cung cấp, xác định sau khi chót nợ vào ngày 15/01/2021 với số tiền nợ 26.000.000 đồng, thì chị H đã trả nợ được cho anh Đ số tiền như sau: Ngày 14/5/2021 trả số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 15/3/2022 trả 2.700.000 đồng; Ngày 24/3/2022 trả 3.300.000 đồng; Ngày 18/6/2022 trả 5.000.000 đồng và ngày 12/7/2022 trả 2.000.000 đồng, tổng cộng là 23.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền chị H còn nợ anh Đ là 26.000.000đ - 23.000.000đ
= 3.000.000 đồng. Buộc chị H phải trả số tiền này cho anh Đ.

[3] Án phí phúc thẩm: Đương sự kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại cho chị H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị H.
2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Căn cứ vào Điều 430; Điều 434; Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;
Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Văn Đ.

Buộc chị Vũ Thị H phải trả cho anh Trịnh Văn Đ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trịnh Văn Đ phải nộp 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 650.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0016384 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Anh Đ còn phải nộp tiếp số tiền 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng).

3. Án phí phúc thẩm:

Chị Vũ Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại cho chị H số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005190 ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- P9-VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Anh

